

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 262/2022/HNGĐ-ST
Ngày 22-9-2022
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Tâm Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Tô Ngọc Liêm;

ông Võ Thanh Nhân.

- Thư ký phiên tòa: bà Đinh Bá Thi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới tham gia phiên tòa: ông Hồ Thanh Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 627/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2022 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 501/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Bùi Thị Đ, sinh ngày 26/9/1989;

Địa chỉ tổ 19, ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: anh Nguyễn Văn T, sinh ngày 03/3/1984;

Địa chỉ tổ 13, ấp A, xã A, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05/7/2022, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, chị Bùi Thị Đ trình bày: chị Đ và anh T chung sống với nhau, có đăng ký và được Ủy ban nhân dân xã A cấp chứng nhận kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 119, ngày đăng ký 11/8/2016.

Hồi mới cưới, anh T không biết uống rượu, luôn chí thú làm ăn, kiếm tiền lo cho vợ con. Cách nay khoảng 08 năm, anh T đi làm, giao du, tụ tập bạn bè thì bắt đầu sinh tật rượu chè, làm được đồng nào thì anh T chỉ biết lo chơi bời, dần thân vào cờ bạc dẫn đến nợ nần cá nhân. Bên cạnh đó, chị Đ không chịu theo ý anh T thì bị chửi mắng, ghen tuông, cụ thể vào một buổi tối khi chị Đ đang

chăm con ngủ. Anh T có rượu về nhà, ngang nhiên dùng chân đạp trúng vào người chị Đ làm chị bị ngất xỉu. Một lát sau, bà Nguyễn Thị D (là mẹ của chị Đ) biết được việc anh T gây bạo lực với chị Đ thì bà D có khuyên can nhưng Trung tiếp tục chửi bới, xúc phạm nhân phẩm chị Đ và bà D.

Mỗi khi khi đi làm về, anh T luôn say xỉn, kiếm chuyện gây gổ với vợ con, khiến cho chị Đ cảm thấy chán ngán trước một người chồng chỉ biết chơi bời, rượu chè bê tha, đánh mất sức khỏe. Ngoài ra, anh T còn có nhiều hành vi bạo lực nghiêm trọng khác như cầm cây sắt nhọn, chia thẳng, định hù dọa tính mạng chị Đ, xua đuổi chị Đ ra khỏi nhà nên chị Đ phải về nhà cha mẹ để tạm trú, sinh sống cho đến nay được khoảng 01 năm. Sự việc xảy ra trên, chị Đ kể lại cho mẹ chồng là bà Trần Thị H (sinh sống tại ấp A, xã A) hiểu biết. Vì vậy, chị Đ yêu cầu ly hôn với anh T.

Về quan hệ con chung: vợ chồng có được 04 đứa con chung, gồm: Nguyễn Phước Thành, sinh ngày 09/10/2010, Nguyễn Phước Lộc, sinh ngày 25/02/2013, Nguyễn Ngọc Như Ý, sinh ngày 25/11/2016 và Nguyễn Văn Nguyễn, sinh ngày 09/02/2019, lần lượt theo các giấy khai sinh: số 272 ngày đăng ký 11/8/2016, số 271 ngày đăng ký 11/8/2016 đều do Ủy ban nhân dân xã A cấp, số 163 ngày đăng ký 11/8/2020, số 162 ngày đăng ký 11/8/2020 đều do Ủy ban nhân dân xã B cấp, các con đang sống chung với chị Đ. Khi ly hôn, chị Đ yêu cầu trực tiếp nuôi 04 đứa con nhưng tùy vào việc con muốn sống với ai thì chấp nhận ý kiến của con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con.

Quá trình chung sống, chị Đ khai nhận vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: chị Đ có ý kiến giữ nguyên yêu cầu ly hôn, yêu nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng cho con. Quá trình chung sống, anh T bỏ bê vợ con, chỉ lo số đề, uống rượu, đi làm có tiền không lo cho vợ con, chị Đ có khuyên thì bị đánh đập. Từ đó, vợ chồng không còn nói chuyện, hỏi thăm lẫn nhau khoảng 01 tháng nay; Về tài sản chung, chị Đ xác định vợ chồng có 01 chiếc xe máy, 01 chiếc máy giặt, 01 căn nhà tiền chế do người khác cho được cất trên đất của cha mẹ chị Đ nhưng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 195, 196, 197, 198 và Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, bảo đảm các trình tự, thủ tục và quyền tranh tụng tại phiên tòa.

Chị Đ đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự; Anh T từ khi thụ lý và tại phiên tòa vắng mặt không có lý do theo Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: chị Đ ly hôn do anh T uống rượu, không quan tâm mà còn gây bạo lực gia đình với chị Đ, vợ chồng ly thân 01 năm nay,

không ai có thiện chí hàn gắn, nếu tiếp tục sống chung sẽ không hạnh phúc. Chị Đ yêu cầu ly hôn là phù hợp. Để ổn định cho các con đang được chị Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh T cũng không có ý kiến nuôi con. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình: chấp nhận yêu cầu của chị Đ về ly hôn với anh T. Đồng thời, giao 04 đứa con cho chị Đ trực tiếp nuôi con, chị Đ không yêu cầu cấp dưỡng cho con nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phân tích, đánh giá và nhận định như sau:

[1] Chị Đ có đơn khởi kiện đối với anh T về yêu cầu ly hôn, nuôi con. Anh T có địa chỉ cư trú tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh An Giang. Do đó, quan hệ pháp luật của vụ án là ly hôn, tranh chấp về nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Quan hệ hôn nhân giữa chị Đ và anh T được xác lập tự nguyện, có đăng ký và được Ủy ban nhân dân xã A cấp chứng nhận kết hôn nên quan hệ vợ chồng hợp pháp được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ. Tuy nhiên, quá trình chung sống, chị Đ cho rằng anh T thường xuyên uống rượu, bạo lực gia đình, không chăm lo vợ con, vợ chồng đã không sống chung, quan tâm với nhau từ khoảng 01 năm nay. Theo đó, tại biên bản lấy lời khai của bà Trần Thị H ngày 02/8/2022 xác định: “...vấn đề quan hệ vợ chồng của Điều và Trung rất khó hàn gắn do Điều muốn ly hôn..., việc Trung đi làm, uống rượu với bạn bè cũng chỉ là mối quan hệ giao thiệp làm ăn”. Như vậy, Tòa án xác định quá trình chung sống, vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, anh T bỏ mặc, không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị Đ.

[4] Mặt khác, kể từ khi Tòa án thụ lý, hòa giải, xét xử vụ việc hôn nhân và gia đình, Tòa án đã thực hiện thủ tục tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh T vắng mặt không có lý do, không có văn bản ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị Đ, xem như anh T từ bỏ quyền tự bảo vệ của mình đối với vụ án đang được xem xét, giải quyết. Hơn nữa, Tòa án tổ chức hòa giải vụ việc ly hôn nhưng chị Đ vẫn giữ nguyên ý kiến ly hôn với anh T do không còn hòa hợp nhau về tình cảm vợ chồng nên Tòa án xét thấy khả năng hàn gắn, duy trì mối quan hệ hôn nhân của chị Đ và anh T không được bảo đảm.

[5] Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, chị Đ yêu cầu ly hôn với anh T là có căn cứ do vợ chồng đã không còn tình nghĩa với nhau, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt. Do đó, Tòa án chấp nhận yêu cầu của chị Đ về việc ly hôn đối với anh T.

[6] Khi ly hôn, chị Đ có yêu cầu nuôi con Nguyễn Phước Thành, sinh ngày 09/10/2010, Nguyễn Phước Lộc, sinh ngày 25/02/2013, Nguyễn Ngọc Như Ý, sinh ngày 25/11/2016 và Nguyễn Văn Nguyễn, sinh ngày 09/02/2019 đang sống chung với chị Đ. Theo đó, con Nguyễn Phước Lộc và Nguyễn Phước Thành có ý muốn sống chung với chị Đ. Ngoài ra, đối với con Nguyễn Ngọc Như Ý và Nguyễn Văn Nguyễn đang sống ổn định với chị Đ trong thời gian vợ chồng ly thân. Mặt khác, quá trình Tòa án giải quyết vụ án, chị Đ có yêu cầu nuôi con nhưng anh T cũng không có ý kiến phản đối. Như vậy, Tòa án xác định trong thời gian vợ chồng ly thân, chị Đ thực hiện tốt việc chăm sóc, nuôi dưỡng các con. Bên cạnh đó, các con đang có điều kiện thuận tiện trong sinh hoạt, môi trường sống ổn định khi sống chung với chị Đ. Theo quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Tòa án chấp nhận yêu cầu của chị Đ, giao con Nguyễn Phước Thành, sinh ngày 09/10/2010, Nguyễn Phước Lộc, sinh ngày 25/02/2013, Nguyễn Ngọc Như Ý, sinh ngày 25/11/2016 và Nguyễn Văn Nguyễn, sinh ngày 09/02/2019 cho chị Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Chị Đ không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Sau khi ly hôn, việc nuôi con là quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của cha, mẹ nên chị Đ phải tạo điều kiện thuận lợi cho anh T thực hiện quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[7] Chị Đ, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung theo quy định tại Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy, Tòa án không xem xét, giải quyết.

[8] Về án phí sơ thẩm: chị Đ phải chịu án phí ly hôn không có giá ngạch theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 2 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Bùi Thị Đ đối với bị đơn anh Nguyễn Văn T.

1. Chị Bùi Thị Đ được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 119, ngày đăng ký 11/8/2016 do Ủy ban nhân dân xã A cấp cho chị Đ và anh T không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Giao con Nguyễn Phước Thành, sinh ngày 09/10/2010, Nguyễn Phước Lộc, sinh ngày 25/02/2013, Nguyễn Ngọc Như Ý, sinh ngày 25/11/2016 và Nguyễn Văn Nguyễn, sinh ngày 09/02/2019 cho chị Đ được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; chị Đ không yêu cầu cấp dưỡng cho con.

Anh T không trực tiếp nuôi con nhưng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí sơ thẩm: chị Bùi Thị Đ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0004839 ngày 05 tháng 7 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới.

4. Chị Đ có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày được tính từ ngày tuyên án. Anh T vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

5. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới;
- Ủy ban nhân dân nơi thực hiện đăng ký kết hôn;
- Lưu: văn thư, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tâm Nhân